

Bản án số: 150/2019/HS-ST
Ngày 04-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Nga

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh
2. Ông Phạm Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Hoàng Dũng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện H
Thành phố Hồ Chí Minh

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Bình - *Kiểm sát viên.*

Trong ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện H,
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số:
142/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
166/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

1/ **Nguyễn Văn Đ.** Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh năm 1974. Tại:
TP. Hồ Chí Minh. ĐKTT: 64/7 ấp D 1, xã T, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch:
Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 6/12. Nghề nghiệp:
không. Cha: Nguyễn Văn H (Chết). Mẹ: Phan Thị R, sinh năm 1937. Bị cáo có 09
anh chị em ruột. Vợ: Phạm Thị Kim D. Con có 02 con lớn nhất 11 tuổi nhỏ nhất 09
tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 26/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn
chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

2/ **Nguyễn Hoàng H.** Giới tính: nam. Tên gọi khác: không. Sinh năm: 1980.
Tại: Đồng Tháp. ĐKTT: 2214 quốc lộ 1A, phường T, Quận 12, Tp Hồ Chí Minh.
Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 6/12. Nghề nghiệp:
thợ hồ. Cha: Nguyễn Văn Ngh, sinh năm: 1954. Mẹ: Huỳnh Thị L, sinh năm: 1960.
Anh chị em ruột 03 người. Vợ: Nguyễn Thị Hoàng D. Con có hai người lớn nhất 16
tuổi, nhỏ nhất 09 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giam từ ngày 13/4/2019 đến ngày 26/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn
chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

3/ **Nguyễn Thị Ngọc L.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1988. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 3/47 Bis khu phố 1, phường T, Quận 12. Tp Hồ Chí Minh Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không. Học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1959(chết). Mẹ: Nguyễn Thị S, sinh năm: 1965. Anh chị em ruột có 04 người. Không có chồng, có một người con 12 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

4/ **Trần Thị Linh Ch.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1972. Tại: Kiên Giang. ĐKTT: 191/6/10A Nguyễn Trung Trực, TP. R, tỉnh K. Nơi ở: 38/8A ấp 1, xã X, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: làm thuê. Cha: Trần Bá H (chết). Mẹ: Tiêu Tỉa Kh, sinh năm: 1945. Anh chị em ruột có 04 người. Chồng: Lê Phú C (đã ly hôn). Có một người sinh năm 1998. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

5/ **Nguyễn Thị Đ.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1971. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 38/4 ấp 2, xã X, huyện H, tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: không biết chữ. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Nguyễn Văn H, sinh năm: 1940 (chết). Mẹ: Trần Thị G, sinh năm: 1945 (chết). Anh chị em ruột có 05 người. Chồng: Nguyễn Văn S. Có 03 người con lớn nhất 30 tuổi nhỏ nhất 23 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

6/ **Phan Ngọc H.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1978. Tại: Tây Ninh. ĐKTT: 41/3 ấp 1, xã, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 3/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Phan Văn Th, sinh năm: 1953. Mẹ: Thái Thị H, sinh năm: 1954. Anh chị em ruột có 2 người. Chồng: Đặng Trọng Q. Có một người con 21 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

7/ **Diệp Minh H.** Giới tính: nam. Sinh năm: 1964. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: số 12 Nhật Tảo, phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Chỗ ở hiện nay: 69/14K ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Hoa; Tôn giáo: không; Học vấn: 4/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Diệp C (Chết). Mẹ: Âu Th (Chết). Anh chị em ruột có 10 người. Vợ: Nguyễn Thị Ngọc Y. Có 01 người con sinh năm 1993. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

8/ **Lê Thị Thu H.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1973. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 22/23 Tân Hóa, phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm

trú: 36/1 Tổ 1, ấp D, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 5/12. Nghề nghiệp: Nội trợ. Cha: Lê Đình T (Chết). Mẹ: Lê Thị B (Chết). Anh chị em ruột có 04 người. Chồng: Trần Đình Th. Có một người con sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

9/ **Trần Kim A.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1973. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 72/6B ấp D, xã T, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 3/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Trần Văn H (Chết). Mẹ: Từ Thị M (Chết). Anh chị em ruột có 13 người. Chồng: Phan Văn T. Con có 02 người sinh năm 2015 lớn nhất 22 tuổi, nhỏ nhất 17 tuổi. Tiền án, tiền sự: không.

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

10/ **Nguyễn Thị Kim L.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1986. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 227/5A ấp 2, xã X, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 8/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Huỳnh Văn V (Chết). Mẹ: Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1959. Anh chị em ruột có 06 người. Chồng: Trần Văn T. Có hai người con lớn nhất 07 tuổi, nhỏ nhất 04 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

11/ **Bùi Thị Hồng L.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1973. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 69/1G tổ 16, ấp Th, xã T, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 2/12. Nghề nghiệp: Công nhân. Cha: Bùi Văn T (Chết). Mẹ: Ngô Thị H, sinh năm: 1947. Anh chị em ruột có 05 người. Chồng: Nguyễn Tấn Th. Có 03 người con lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 2005. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

12/ **Hứa A L.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1984 Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 219/58 Mai Xuân Thưởng, phường 6, Quận 6, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 2/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Hứa A Đ (Chết). Mẹ: Nguyễn Thị G, sinh năm: 1957. Anh chị em ruột có 02 người. Chồng: Nguyễn Tấn Th. Có 01 người con sinh ngày 31/10/2018. Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

13/ **Trần Thị Trúc L.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1980. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 42/1A ấp 6, xã X, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: không biết chữ. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Trần Văn Ph (Chết). Mẹ: Trần Thị Ph, sinh năm: 1958. Anh chị em

ruột có 03 người. Chồng: Võ Hồng T. Con có 02 con lớn nhất 15 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

14/ **Nguyễn Thị Thùy O.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1983. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 38/2A ấp 1, xã X, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 4/12. Nghề nghiệp: công nhân. Cha: Nguyễn Công D (Chết). Mẹ Kiên Cúc G, sinh năm: 1961. Anh chị em ruột có 05 người. Chồng: không có. Con có 02 con lớn nhất 17 tuổi nhỏ nhất 10 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

15/ **Lê Thị S.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1964 Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 81/4B ấp 6, xã X, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: 1/12. Nghề nghiệp: Buôn bán. Cha: Lê Văn T(Chết). Mẹ: Hồ Thị S, sinh năm: 1937. Anh chị em ruột có một người. Chồng: Nguyễn Văn M (ly hôn). Có một người con 33 tuổi. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

16/ **Đoàn Thị Th.** Giới tính: nữ. Sinh năm: 1971. Tại: Thành phố Hồ Chí Minh. ĐKTT: 39/1 E ấp 1, xã X, huyện H, Tp Hồ Chí Minh. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Học vấn: không biết chữ. Nghề nghiệp: làm thuê. Cha: Đoàn Văn M (Chết). Mẹ: Nguyễn Thị U, sinh năm: 1936. Anh chị em ruột có 07 người. Chồng: không có. Con có 02 con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất 2004. Tiền án, tiền sự: không

Tạm giữ từ ngày 13/4/2019 đến ngày 22/4/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn bằng Lệnh “Cấm đi khỏi nơi cư trú”

Các bị cáo có mặt tại tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22h30 ngày 12/4/2019 tại bãi đất trống cạnh nhà 64/7 ấp Dân Thắng 1, xã T, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội Công an huyện H kiểm tra bắt quả tang Nguyễn Văn Đ đang tổ chức cho Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L đánh bài ăn thua bằng tiền dưới hình thức bài xì dách sử dụng bài tây 52 lá. Thu giữ số tiền trên chiếu bạc và tiền của các con bạc dùng đánh bạc là 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm ngàn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn Đ khai nhận: Bắt đầu tổ chức đánh bạc từ ngày 02/4/2019 và chỉ hoạt động vào ban đêm. Đ chuẩn bị chiếu, đèn, bộ bài tây mang ra bãi đất trống để tổ chức cho các con bạc đánh bài xì dách để thu tiền xâu từ 100.000đ đến 300.000đ mỗi ván. Thu lợi bất chính khoảng 2.000.000 đồng. Ngày 12/4/2019 có Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L đến đánh bạc. Trong đó H và L làm cái cho khoảng 10 tụ chơi, chơi được khoảng 20 ván, thu được 150.000đ tiền xâu thì bị bắt quả tang như trên. Bị thu giữ số tiền 2.500.000 đồng không liên quan đến việc tổ chức đánh bạc.

Cơ quan điều tra xác định số tiền dùng vào việc đánh bạc như sau:

- Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thị Ngọc L khai: H và L hùn nhau mỗi người 1.000.000đ để làm cái, bị thu giữ số tiền 2.000.000 đồng trên chiếu bạc và 50.000 đồng trong người của H không dùng vào việc đánh bạc.

- Trần Thị Linh Ch khai mang theo số tiền 600.000đ để đánh bạc, đặt chung tụ với Nguyễn Thị Kim L, thua 50.000 đồng, bị tạm giữ 550.000 đồng.

- Nguyễn Thị Kim L mang theo số tiền 500.000đ để đánh bạc đặt chung tụ với Trần Thị Linh Ch, thua 50.000 đồng, bị tạm giữ 450.000 đồng.

- Trần Thị Trúc L mang theo 600.000đ để tham gia đánh bạc. Ván cuối L đặt 200.000đ chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị Công an thu trên chiếu bạc số tiền 700.000 đồng trong đó có 200.000đ đặt ván cuối và 500.000đ L cầm trên tay để chơi đánh bạc.

- Lê Thị Thu H mang theo 600.000 đồng để đánh bạc. H ngồi 1 tụ và chơi mỗi ván 100.000đ. Ván cuối H đặt 100.000đ chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu trên chiếu bạc số tiền 100.000đ đặt ván cuối và 500.000đ H cầm trên tay để chơi đánh bạc.

- Nguyễn Thị Đ khai: Đ mang theo 290.000 đồng nhưng bỏ ra 200.000đ để tham gia đánh bạc. Chung tụ với Đoàn Thị Th. Thua 100.000đ. Ván cuối Đ đặt 100.000đ, Th có bón ké 100.000đ, chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu trên chiếu bạc số tiền 100.000đ đặt ván cuối và 90.000 đồng trong người không dùng vào việc đánh bạc.

- Đoàn Thị Th mang theo 200.000 đồng để tham gia đánh bạc. Th chung tụ với Nguyễn Thị Đ. Ván cuối Th đặt cược 100.000đ, chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 100.000đ đặt ván cuối.

- Bùi Thị Hồng L mang theo 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Thua 600.000 đồng. Ván cuối L đặt 100.000đ chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 100.000đ đặt ván cuối và 300.000đ vớt trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Lê Thị S mang theo 2.150.000 đồng để tham gia đánh bạc. Thua 50.000 đồng. Ván cuối S đặt 100.000đ chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền có 100.000 đồng đặt ván cuối và 2.000.000 đồng vớt trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Diệp Minh H mang theo 460.000 đồng để tham gia đánh bạc. Ván cuối H đặt cược số tiền 100.000 đồng chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 100.000đ đặt ván cuối và 360.000đ vớt trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Nguyễn Thị Thùy O mang theo 390.000 đồng nhưng bỏ ra 100.000 đồng để hùn với Hứa A L để tham gia đánh bạc. Thắng 50.000 đồng. Ván cuối đặt 50.000 đồng chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 50.000 đồng đặt ván cuối, 200.000 đồng O vớt trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang và 290.000 đồng thu giữ trong người của O không dùng vào việc đánh bạc.

- Hứa A L khai: Lượm mang theo 600.000 đồng nhưng bỏ ra 100.000 đồng để hùn với Nguyễn Thị Thùy O để tham gia đánh bạc. Thắng 50.000 đồng. Ván cuối đặt 50.000 đồng chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 50.000 đồng đặt ván cuối và 500.000 đồng trong người của L không dùng vào việc đánh bạc.

- Trần Kim A mang theo 1.100.000 đồng để tham gia đánh bạc. Chung tụ với Phan Ngọc H. Đặt cược ván đầu 50.000 đồng chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 50.000 đồng đặt ván cuối và 1.050.000 đồng A vớt trên chiếu bạc khi bị bắt quả tang.

- Phan Ngọc H khai: H mang theo 1.858.000 đồng để đánh bạc dưới hình thức bón ké mỗi ván 50.000 đồng và thắng được 150.000 đồng. Đến ván cuối H bón ké Kim A 50.000 đồng chưa ăn thua thì bị bắt quả tang, bị thu giữ số tiền 250.000 đồng trên chiếu bạc và 1.758.000 đồng trong người dùng để đánh bạc.

Do các bị can bỏ chạy khi bị bắt quả tang nên số tiền dùng đánh bạc trên chiếu bạc chỉ thu được 7.100.000 đồng.

Tang vật thu giữ:

- 01 tấm chiếu có kích thước 1,8 x 2m, 01 bóng đèn tròn điện tử có dây dài khoảng 05m.

- 01 đĩa sành có đường kính 12cm.

- 04 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng.

- Số tiền thu giữ trên chiếu bạc và tiền của các con bạc dùng đánh bạc là 7.100.000 đồng (Bảy triệu một trăm ngàn đồng) và 150.000 đồng tiền xu.

- 01 hộp nhựa .

Cáo trạng số 139/CT-VKS-HS ngày 15-8-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân Huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội: “Tổ chức đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự;

- Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L về tội: “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, thực hành quyền công tố giữ nguyên cáo trạng đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo:

Nguyễn Văn Đ phạm tội: “Tổ chức đánh bạc”. Áp dụng tại Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tù 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 đến 48 tháng.

Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L phạm tội: “Đánh bạc”. Áp dụng Điểm i, s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 65; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tù 12 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 đến 36 tháng

Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Đánh bạc”. Áp dụng Điểm i, s Khoản 1,2 Điều 51; Điều 65; Khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự đề nghị xử phạt tù 06 đến 9 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 đến 18 tháng

Xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm chiếu có kích thước 1,8 x 2m, 01 bóng đèn tròn điện tử có dây dài khoảng 05m; 01 đĩa sành có đường kính 12cm; 04 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa

Số tiền thu giữ trên chiếu bạc, tiền của các con bạc dùng đánh bạc và tiền xâu là 10.458.000 đồng (gồm 7.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 3.208.000 đồng thu trên người của Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Nguyễn Thị Kim L, Phan Ngọc H và 150.000 đồng tiền xâu), cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo mang theo không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn Đ: 2.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng H: 50.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Đ: 90.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Thùy O: 290.000 đồng; bị cáo Hứa A L: 500.000 đồng.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo hối hận việc đã làm, nên xin Hội đồng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an Huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực

hiện điều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

2.1 Bị cáo Nguyễn Văn Đ là người chuẩn bị địa điểm, công cụ như: đèn chiếu sáng, chiếu, đĩa, bộ bài tây 52 lá, nhằm sử dụng cho việc tổ chức đánh bạc, số người đánh bạc lên đến 15 người, số tiền. Bị cáo thu tiền xâu của người làm cái, tổ chức trong nhiều ngày từ 02 đến ngày 12/4/2019 thu lợi bất chính 2.000.000đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội “Tổ chức đánh bạc” theo Khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

2.2 Các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L có hành vi đánh bạc với số tiền dùng vào việc đánh bạc là 10.308.000 đồng (thu tại chiếu bạc là 7.100.000đ, thu giữ trong người của các bị cáo là 3.208.000đ). Trong đó, bị cáo Nguyễn Hoàng H vừa đánh bạc vừa là người cầm cái cùng với bị cáo L ăn thua bằng tiền, hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Đánh bạc” theo Điều 321 Bộ luật hình sự. Xét tính chất vai trò của các bị cáo đối với tội “Đánh bạc” thấy rằng: Bị cáo Hùng là người cầm cái cùng với bị cáo L nên phải chịu trách nhiệm hình sự cao hơn đối với các bị cáo còn lại trong vụ án. Bị cáo Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L với vai trò là những người đánh bạc nên chịu trách nhiệm sau hai bị cáo L và bị cáo H

[3] Vụ án mang tính ít chất nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là một tệ nạn của xã hội, gây ra dư luận xấu trong đời sống xã hội, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, làm phát sinh các loại tội phạm khác, xâm phạm đến trật tự xã hội và bị pháp luật nghiêm cấm. Các bị cáo là những người trưởng thành, đều có nhận thức nhất định về điều này và lẽ ra phải thực hiện và chấp hành tốt, nhưng đã không thực hiện lại tụ tập để đánh bạc được thua bằng tiền. Do đó, nên cần xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện H, đề nghị áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với các bị cáo nhằm tạo điều kiện cho các bị cáo hòa nhập xã hội cải tạo, giáo dục tại địa phương trở thành công dân tốt mà không cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, biết chấp hành pháp luật, là có căn cứ.

[5] Trong quyết định hình phạt có xem xét: Các bị cáo phạm tội lần đầu; đối với Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H và Nguyễn Thị Kim L

phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự được quy định tại Điểm i, s Khoản 1, 2 Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng: Không có

[6] Về nhân thân: Các bị cáo không có tiền án, tiền sự, được xem xét có nhân thân tốt. Cần xem xét khi quyết định mức hình phạt cho các bị cáo

[7] Về trách nhiệm dân sự: Không

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự

8.1 Xét thấy: 01 tấm chiếu có kích thước 1,8 x 2m, 01 bóng đèn tròn điện tử có dây dài khoảng 05m; 01 đĩa sành có đường kính 12cm; 04 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy

8.2 Số tiền thu giữ trên chiếu bạc, tiền của các con bạc dùng đánh bạc và tiền xâu là 10.458.000 đồng (gồm 7.100.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc, 3.208.000 đồng thu trên người của Nguyễn Thị Ngọc L, Trần Thị Linh Ch, Nguyễn Thị Kim L, Phan Ngọc H và 150.000 đồng tiền xâu), cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

8.3 Bị cáo Đ thu lợi bất chính 2.000.000đ nên buộc bị cáo phải nộp lại để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

8.4 Đối với số tiền thu giữ của các bị cáo mang theo không dùng vào việc đánh bạc cần trả lại cho các bị cáo. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn Đ: 2.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng H: 50.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Đ: 90.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Thùy O: 290.000 đồng; bị cáo Hứa A L: 500.000 đồng. Cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội “Tổ chức đánh bạc”

Căn cứ Điểm s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo. Thời gian thử thách là 36 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

2. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hoàng H, Nguyễn Thị Ngọc L; Trần Thị Linh Ch, Lê Thị S, Nguyễn Thị Đ, Trần Kim A, Bùi Thị Hồng L, Đoàn Thị Th, Phan Ngọc H, Trần Thị Trúc L, Nguyễn Thị Thùy O, Hứa A L, Diệp Minh H, Lê Thị Thu H, Nguyễn Thị Kim L phạm tội “Đánh bạc”

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc L 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Linh Ch 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phan Ngọc H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Diệp Minh H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Kim A 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kim L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Hồng L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hứa A L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân phường 6, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị Trúc L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy O 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Thị S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Căn cứ Điểm i, s Khoản 1, 2 Điều 51; 65; khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đoàn Thị Th 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm

Giao bị cáo về Ủy ban nhân dân xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh nơi bị cáo cư trú giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Trong thời gian thử thách nếu người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Luật Thi hành án Hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự

3.1 Tịch thu tiêu hủy: 01 tấm chiếu có kích thước 1,8 x 2m, 01 bóng đèn tròn điện tử có dây dài khoảng 05m; 01 đĩa sành có đường kính 12cm; 04 bộ bài tây loại 52 lá đã qua sử dụng; 01 hộp nhựa

3.2 Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 10.458.000 đồng.

3.3 Trả lại cho các bị cáo số tiền không dùng vào việc đánh bạc. Cụ thể: Bị cáo Nguyễn Văn Đ: 2.500.000 đồng, bị cáo Nguyễn Hoàng H: 50.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Đ: 90.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Thùy O: 290.000 đồng; bị cáo Hứa A L: 500.000 đồng, tuy nhiên cần tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án,

4. Về hình phạt bổ sung: Không phạt bổ sung đối với các bị cáo.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 ngàn đồng án phí hình sự sơ thẩm. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Phòng KTNV.TATpHCM;
- VKSND Huyện H;
- VKSND TpHCM;
- CQĐT CA H H;
- Chi cục THA DS H H;
- Nhà tạm giữ CA HM;
- Thi hành án phạt tù;
- Bị cáo;
- Hồ sơ; Lưu./.

Nguyễn Thị Thúy Nga

